

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình  
Dự án: Phát triển tích hợp thích ứng – tỉnh Bình Định.

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về đầu tư xây dựng: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư Dự án “Phát triển tích hợp thích ứng – tỉnh Bình Định”, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-BTNMT ngày 04/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Phát triển tích hợp thích ứng – tỉnh Bình Định”;

Căn cứ Văn bản số 10885/BGTVT-KHĐT ngày 19/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Bình Định, sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng của tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 252/TTr-BQL ngày 25/10/2022 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo tổng hợp số 714/BC-SKHĐT ngày 02/11/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Phát triển tích hợp thích ứng – tỉnh Bình Định.

**2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** Thủ tướng Chính phủ.

**3. Cơ quan chủ quản dự án:** UBND tỉnh Bình Định.

**4. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

**5. Mục tiêu đầu tư:**

*a. Mục tiêu tổng quát:* Nhằm tăng cường khả năng tiếp cận đến các dịch vụ cơ sở hạ tầng thích ứng và nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý phát triển thích ứng với rủi ro thiên tai tại tỉnh Bình Định.

*b. Mục tiêu cụ thể*

- Xây dựng hoàn thiện trục giao thông kết nối các Khu Công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Becamex Bình Định và khu đô thị mới Long Vân - Long Mỹ với trung tâm thành phố Quy Nhơn; góp phần phân luồng chia sẻ lưu lượng giao thông trên đường Hùng Vương, Quốc lộ 1 (*đoạn qua các khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Becamex Bình Định tạo thành mạng lưới giao thông đầu mối hoàn chỉnh*); thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất hàng hoá thương mại, du lịch và dịch vụ của thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước.

- Kết nối giao thông từ QL1A và QL19C về cảng Quy Nhơn và trung tâm thành phố Quy Nhơn để chia sẻ lưu lượng giao thông qua đường Hùng Vương đã quá tải và thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa gây ách tắc giao thông. Tuyến đường từ QL19C kết nối cảng Quy Nhơn sẽ là trục giao thông chính để phát triển các khu đô thị dọc hai bên đường còn nhiều tiềm năng thuộc phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú.

- Hoàn thiện tuyến đường ven biển trên địa bàn tỉnh Bình Định và kết nối với hệ thống đường ven biển Quốc gia; tăng cường kết nối giao thông, loại bỏ thế độc đạo về giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A; đảm bảo giao thông đi lại liên tục trong các tình huống thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất, cứu nạn, cứu hộ; thúc đẩy phát triển kinh tế biển, gắn kết cơ sở hạ tầng của các khu kinh tế trọng điểm ven biển, khu công nghiệp, các khu dân cư, khu đô thị và các khu du lịch sinh thái ven biển.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế công nghiệp, du lịch, nâng cao chất lượng theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư công, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

**6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:** Dự án gồm 02 dự án thành phần:

- Dự án thành phần 1: Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn, chiều dài khoảng 6,35km.

- Dự án thành phần 2: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Mỹ Thành – Lại Giang, chiều dài khoảng 38,14km.

*a. Dự án thành phần 1: Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn.*

- Điểm đầu (Km0+00): Giao với Quốc lộ 1A tại Km1220+600 (*ngã ba Diêu Trì*) thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước.

- Điểm cuối (Km6+353,03): Giáp đường Nguyễn Mân.

- Tuyến đường có chiều dài khoảng 6,35Km, được thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia 07-4:2016/BXD, với các thông số chủ yếu như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Giá trị</i>
1	Cấp đường		Đường chính khu vực theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia 07-4:2016/BXD
2	Tốc độ tính toán, $V_{tt}$	Km/h	50
3	Bán kính cong nhỏ nhất:		
	- Tối thiểu giới hạn	m	80
	- Tối thiểu thông thường	m	100
	- Tối thiểu không siêu cao	m	1.000
4	Độ dốc dọc lớn nhất	%	6
5	Quy mô mặt cắt ngang:		
5.1	Đoạn Km0+0,00 ÷ Km1+131,53	m	24,0
	- Bề rộng mặt đường xe cơ giới	m	2 x 3,5 = 7,0
	- Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp	m	2 x 3,0 = 6,0
	- Bề rộng dải an toàn	m	2 x 0,5 = 1,0
	- Bề rộng vỉa hè	m	2 x 5,0 = 10
5.2	Đoạn Km1+131,53 ÷ Km4+202,86	m	40,0
	- Bề rộng mặt đường xe cơ giới	m	4 x 3,5 = 14,0
	- Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp	m	2 x 4,0 = 8,0
	- Bề rộng dải an toàn	m	4 x 0,5 = 2,0
	- Bề rộng dải phân cách giữa	m	4,0
	- Bề rộng vỉa hè	m	2 x 6,0 = 12,0
5.3	Đoạn Km4+202,86 ÷ Km6+353,03	m	32,0
	- Bề rộng mặt đường xe cơ giới	m	2 x 3,5 = 7,0
	- Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp	m	2 x 4,5 = 9,0
	- Bề rộng dải an toàn	m	4 x 0,5 = 2,0
	- Bề rộng dải phân cách giữa	m	4,0
	- Bề rộng vỉa hè	m	2 x 5,0 = 10,0
5.4	Mặt đường: Bê tông nhựa cấp cao A1		
6	Tải trọng thiết kế cầu, cống lớn		HL93
7	Tải trọng thiết kế cống nhỏ		H30 - XB80
8	Tần suất thiết kế:		
	- Nền đường, cầu nhỏ và cống, rãnh thoát nước	%	5
	- Cầu trung và cầu lớn	%	1

**b. Dự án thành phần 2: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn Mỹ Thành - Lại Giang.**

- Điểm đầu (Km45+00): Cuối đường bê tông xi măng hiện trạng vào khu nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ (*tiếp giáp điểm cuối dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành*).

- Điểm cuối (Km83+139,47): Tiếp giáp cầu Lại Giang.

- Tuyến đường có chiều dài khoảng 38,14Km, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), với các thông số chủ yếu như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
1	Cấp đường (TCVN 4054-2005)		III (IV)	Đồng bằng (Miền núi)
2	Tốc độ tính toán, $V_{tt}$	Km/h	80 (40)	
3	Bán kính cong nằm nhỏ nhất:			
	- Tối thiểu giới hạn	m	250 (60)	
	- Tối thiểu thông thường	m	400 (125)	
	- Tối thiểu không siêu cao	m	2.500 (600)	
4	Độ dốc dọc lớn nhất	%	5 (8)	
5	Quy mô mặt cắt ngang:			
5.1	Đoạn Km45+0,00 ÷ Km55+365,60	m	20,5	
	- Bề rộng mặt đường xe cơ giới	m	2 x 3,5 = 7,0	
	- Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp	m	2 x 4,75 = 9,5	
	- Bề rộng dải an toàn	m	2 x 0,5 = 1,0	
	- Bề rộng dải phân cách giữa	m	2,0	
	- Bề rộng lề đất	m	2 x 0,5 = 1,0	
5.2	Đoạn Km55+365,60 ÷ Km83+139,47	m	12	
	- Bề rộng mặt đường xe cơ giới	m	2 x 3,5 = 7,0	
	- Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp		2 x 2,0 = 4,0	
	- Bề rộng lề đất	m	2 x 0,5 = 1,0	
5.3	Mặt đường: Bê tông nhựa cấp cao A1			
6	Tải trọng thiết kế cầu, cống lớn		HL93	
7	Tải trọng thiết kế cống nhỏ		H30 - XB80	
8	Tần suất thiết kế:			
	- Nền đường, cầu nhỏ và cống, rãnh thoát nước	%	4	
	- Cầu trung và cầu lớn	%	1	

## 7. Phương án thiết kế

\* *Dự án thành phần 1: Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn*

a. *Phần đường:*

- Đoạn từ Km0+0,00 đến Km1+131,53 với chiều dài 1,13Km; được xây dựng với quy mô 4 làn xe, nền đường rộng  $B_{nền} = 24,0m$ ; trong đó:

- + Bề rộng mặt đường xe cơ giới:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải an toàn:  $B_{\text{dải an toàn}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng vỉa hè:  $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ .

- Đoạn từ Km1+131,53 đến Km4+202,86 với chiều dài 3,07Km; được xây dựng với quy mô 6 làn xe, nền đường rộng  $B_{\text{nền}} = 40,0\text{m}$ ; trong đó:

- + Bề rộng mặt đường xe cơ giới:  $B_{\text{mặt}} = 4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải an toàn:  $B_{\text{dải an toàn}} = 4 \times 0,5\text{m} = 2,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải phân cách giữa:  $B_{\text{dải phân cách}} = 4,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng vỉa hè:  $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$ .

- Đoạn từ Km4+202,86 đến Km6+353,03 với chiều dài 2,15Km; được xây dựng với quy mô 4 làn xe, nền đường rộng  $B_{\text{nền}} = 32\text{m}$ ; trong đó:

- + Bề rộng mặt đường xe cơ giới:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải an toàn:  $B_{\text{dải an toàn}} = 4 \times 0,5\text{m} = 2,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng dải phân cách giữa:  $B_{\text{dải phân cách}} = 4,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng vỉa hè:  $B_{\text{vỉa hè}} = 2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ .

#### b. Phần cầu:

Trên tuyến thiết kế 02 vị trí xây dựng cầu, gồm:

- Cầu Trường Úc: Xây dựng mới tại Km0+755,71.

+ Khổ cầu:  $B = 2,5\text{m} + 14\text{m} + 2,5\text{m} = 19\text{m}$ ;

+ Chiều dài nhịp: 20 nhịp dầm chữ "I" bê tông cốt thép dự ứng lực  $L_{\text{Dầm}} = 33\text{m}$ ;

+ Chiều dài toàn cầu:  $L_{\text{Cầu}} = 674,30\text{m}$  (tính từ đuôi móng đến đuôi móng).

+ Mố cầu: Mố nặng chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, bệ mố bố trí 06 cọc khoan nhồi D150cm.

+ Trụ cầu: Trụ thân cột bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mỗi trụ 03 cột D150cm, liên kết bằng giằng ngang kích thước (150x150)cm, móng trụ bố trí 03 cọc khoan nhồi D150cm.

- Cầu vượt sông Dinh: Xây dựng mới tại Km6+36,67.

+ Khổ cầu:  $B = 2,5\text{m} + 9\text{m} + 4\text{m} + 9\text{m} + 2,5\text{m} = 27,0\text{m}$  (Gồm 2 đơn nguyên)

+ Chiều dài nhịp: 03 nhịp dầm chữ "I" bê tông cốt thép dự ứng lực  $L_{\text{Dầm}} = 33\text{m}$ ;

+ Chiều dài toàn cầu:  $L_{\text{Cầu}} = 113,30\text{m}$  (tính từ đuôi móng đến đuôi móng).

+ Mố cầu: Mố nặng chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mỗi mố gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên bố trí 05 cọc khoan nhồi D150cm.

+ Trụ cầu: Mỗi trụ gồm 2 đơn nguyên, thân trụ dạng cột bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mỗi đơn nguyên gồm 02 cột D150cm, liên kết bằng giằng ngang kích thước (150x150)cm, móng mỗi đơn nguyên bố trí 02 cọc khoan nhồi D150cm.

c. *Phần cống ngang đường*: Xây dựng mới 12 cống Ø120cm; 1 cống Ø150cm; 1 cống 2Ø150cm; và 05 cống hộp (tại Km0+406,90 kích thước (2x3)m; tại Km2+509,29 kích thước (1x3)m; tại Km4+114,10 kích thước (10x4)m, tại Km4+756,00 kích thước (10x4)m và tại Km5+510,60 kích thước (1x3)m).

d. *Thiết kế thoát nước mặt đường*:

- Cống thoát nước mưa dùng cống bê tông cốt thép đúc sẵn tại nhà máy, cống ngang qua đường dùng cống H30, cống đặt dưới vỉa hè dùng cống H10, tại các vị trí nổi đặt 2 gờ cống bằng bê tông.

- Các tuyến cống được thiết kế theo độ dốc đường với những tuyến đường có độ dốc lớn hơn độ dốc tối thiểu  $i \geq 1/D$ .

- Cống ngang: Sử dụng cống tròn (Ø60 -:- Ø80)cm kết hợp hố ga 2 đầu để thu nước về cống dọc. Khoảng cách tùy theo từng đoạn.

- Cống dọc: Sử dụng cống tròn (Ø60 -:- Ø100)cm bố trí 1 bên (*bên phải*), phía trong vỉa hè, thu nước thông qua hố ga, hướng nước chảy về cửa xả.

- Hố ga: Bố trí 2 đầu cống ngang bằng bê tông, cửa thu nước bố trí dạng nắp gang chắn rác đặt dưới lòng đường.

- Cửa xả: Bố trí cửa xả tại các cầu, cống gần nhất.

- Tại các đoạn đường cong có bố trí siêu cao, bố trí khe thoát nước tại dải phân cách giữa với khoảng cách 20m/khe, để thoát nước mặt đường từ phía lưng đường cong sang bưng đường cong chảy ra khỏi mặt đường. Khe thoát nước bằng ống nhựa PVC Ø114 dày 3,8mm.

đ. *Các nút giao, đường giao*: Được thiết kế dạng nút giao thông đồng mức đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005.

- Trên tuyến có các nút giao:

+ Gồm các nút giao: Nút giao với Quốc lộ 1, nút giao quốc lộ 19 cũ, nút giao cuối tuyến và các nút giao đường dân sinh.

+ Thiết kế: Dạng giao đồng mức đảm bảo cho phương tiện tham gia giao thông đi lại an toàn, êm thuận với kết cấu như kết cấu mặt đường chính.

- Đường giao dân sinh: Các vị trí giao với đường dân sinh được thiết kế vuốt nổi êm thuận đảm bảo an toàn giao thông, quy mô phù hợp đường hiện trạng.

e. *Nút giao đường sắt*:

- Mở mới đường ngang Km3+665,05 rộng 59m (*theo chiều dọc đường sắt*). Hệ thống phòng vệ có người gác và cản chắn điện, hệ thống chuông cảnh báo tàu tự động.

- Phần đường bộ qua đường sắt: Thiết kế đường bộ hai đầu đường ngang phù hợp quy định tại điều 8 Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/05/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt. Bề rộng mặt cắt ngang:  $B = 2 \times 12m$  (mặt đường) +  $2 \times 6m$  (vỉa hè) +  $4m$  (dải phân cách) = 40m.

- Hệ thống thông tin đường sắt: Thiết kế cải tạo hệ thống thông tin đường sắt đồng bộ với quy mô đường ngang.

- Hệ thống tín hiệu: Thiết kế cải tạo hệ thống tín hiệu đồng bộ với quy mô đường ngang.

g. *Hào tuy nèn kỹ thuật*: Bố trí hào kỹ thuật chạy dọc theo tuyến nằm 01 bên trong vỉa hè (*bên trái*). Hào dạng 3 ngăn, bằng bê tông cốt thép lắp ghép, đổ tại chỗ. Khoảng 500m bố trí một hào kỹ thuật ngang đường.

h. *Phân điện*:

- Hệ thống điện chiếu sáng được xây dựng mới phù hợp với quy mô tính chất Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn, bao gồm:

+ Trạm biến áp chiếu sáng: 02 trạm (*01 trạm 50kVA, 01 trạm 75kVA*);  
+ Đường dây 22kV cấp nguồn cho trạm biến áp với chiều dài  $L_t = 25 + 30 = 55\text{m}$ ;

+ Đường dây chiếu sáng với chiều dài tuyến 8.400m;

+ Trụ thép chiếu sáng cần đơn 12m: 57 trụ;

+ Trụ thép chiếu sáng cần đôi 12m: 112 trụ;

+ Trụ thép chiếu sáng cần ba 12m: 34 trụ;

+ Trụ thép chiếu sáng 14m: 03 trụ;

+ Bộ đèn led 180W: 383 bộ;

+ Bộ đèn pha led 400W: 09 bộ;

+ Tủ điều khiển chiếu sáng: 02 tủ.

- Tín hiệu giao thông: Hệ thống đèn tín hiệu giao thông được xây dựng mới phù hợp với quy mô tính chất tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn, bao gồm: Bố trí hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại Km0+00 (*nút giao QL 1A*) và tại Km4+193,82 (*nút giao QL19*):

+ Trụ đèn tín hiệu giao thông loại trụ D250/200 cao 6m vưon 5m: 08 trụ;

+ Tủ điều khiển tín hiệu giao thông cao 1,68m: 02 tủ;

+ Kéo rã cáp điều khiển DVV12x1,25mm<sup>2</sup>: 472m

+ Kéo rã dây cáp CVV(2x6)mm<sup>2</sup> cấp nguồn cho tủ điều khiển tín hiệu giao thông: 60m

**\* Dự án thành phần 2: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn Mỹ Thành - Lại Giang.**

a. *Phân đường*:

- Đoạn từ Km45+00 đến Km55+365,60: Từ đầu tuyến đến ngã tư thôn Xuân Thạnh, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ dài  $L = 10,40\text{Km}$ ; được xây dựng với quy mô 4 làn xe, nền đường rộng  $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$ . Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường xe cơ giới:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ;

+ Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 4,75\text{m} = 9,5\text{m}$ ;

+ Bề rộng dải an toàn:  $B_{\text{dải an toàn}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ ;

+ Bề rộng dải phân cách giữa:  $B_{\text{dải phân cách}} = 2,0\text{m}$ ;

+ Bề rộng lề đất:  $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ .

- Đoạn từ Km55+365,60 đến Km83+139,47: Từ ngã tư thôn Xuân Thạnh, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến điểm cuối tuyến dài  $L = 27,74\text{Km}$ ; được xây dựng với quy mô 2 làn xe, nền đường rộng  $B_{\text{nền}} = 12\text{m}$ . Trong đó:

- + Bề rộng mặt đường:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng mặt đường xe hỗn hợp:  $B_{\text{mặt}} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$ ;
- + Bề rộng lề đất:  $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ .

*b. Phần cầu:*

- Cầu Hà Ra: Xây dựng thêm 01 cầu mới bên cạnh cầu cũ có bề rộng 11,5m; kết nối với cầu cũ thành cầu có khổ 18m. Cầu không thông thuyền và không có cây trôi.

+ Khổ cầu:  $B = 18\text{m}$ ; trong đó cầu cũ có bề rộng  $B = 6,5\text{m}$  (giữ nguyên hiện trạng quy mô kết cấu cầu cũ sử dụng thành 01 làn xe hỗn hợp có tải trọng H13- X60, thay khe co giãn, thêm mới lớp bê tông nhựa mặt cầu) và xây dựng cầu mới có  $B = 0,5\text{m} + 10,5\text{m} + 0,5\text{m} = 11,5\text{m}$  với tải trọng HL93;

+ Chiều dài nhịp: 17 nhịp dầm chữ "T" bê tông cốt thép  $L_{\text{Dầm}} = 18\text{m}$ .

+ Chiều dài toàn cầu:  $L_{\text{Cầu}} = 316,50\text{ m}$  (tính từ đuôi mố đến đuôi mố).

+ Mố cầu: Mố nặng chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, bệ mố bố trí 05 cọc khoan nhồi D120cm.

+ Trụ cầu: Trụ thân cột bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mỗi trụ 03 cột D120cm, liên kết bằng giằng ngang kích thước (120x120)cm, móng trụ 03 cọc khoan nhồi D120cm.

- Cầu Công Lương: Xây dựng mới tại Km82+432,73 thuộc địa phận thôn Mỹ Khánh, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Khổ cầu:  $B = 12\text{m}$ ;

+ Chiều dài nhịp: 3 nhịp dầm chữ "T" bê tông cốt thép dự ứng lực  $L_{\text{Dầm}} = 33\text{m}$ .

+ Chiều dài toàn cầu:  $L_{\text{Cầu}} = 111,30\text{ m}$  (tính từ đuôi mố đến đuôi mố).

+ Mố cầu chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, móng cọc đóng bê tông cốt thép (40x40)cm,  $L_{\text{dk}} = 33,0\text{m}$ .

+ Trụ cầu dạng trụ thân cột bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, móng cọc đóng bê tông cốt thép (40x40)cm,  $L_{\text{dk}} = 33,0\text{m}$ .

*c. Phần cống ngang đường:*

- Đoạn từ Km45+00 đến Km68+169,14: Xây dựng mới 34 cống thoát nước ngang với khẩu độ thoát nước đảm bảo theo yêu cầu và có chiều rộng bằng bề rộng nền đường.

- Đoạn từ Km68+169,14 đến Km83+139,47: Xây dựng mới 81 cống thoát nước ngang với khẩu độ thoát nước đảm bảo theo yêu cầu và có chiều rộng bằng bề rộng nền đường.

*d. Thoát nước dọc:*

- Đối với các đoạn đi qua khu vực đông dân cư và hoàn trả rãnh cũ (hình chữ nhật) bố trí hệ thống rãnh dọc chịu lực bằng bê tông cốt thép có nắp đan dẹt. Rãnh dọc hình chữ nhật rộng 60cm có nắp đan chịu lực bằng bê tông cốt thép.

- Đối với các đoạn đi qua đồi, khu không có dân cư bố trí hệ thống rãnh dọc dạng hình thang đáy nhỏ rộng 40cm, cao 40cm. Gia cố rãnh bằng tấm lát bê tông xi măng.



*đ. Các nút giao, đường giao:* Được thiết kế dạng nút giao thông đồng mức đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN 4054-2005.

- Trên tuyến có các nút giao:

+ Nút giao ngã tư Xuân Thạnh (Km55+396,76).

+ Nút giao với đường ĐT.639 cũ tại phía Nam Đèo Phú Thứ; lý trình Km68+191,97.

+ Nút giao với đường ĐT.639 cũ tại phía Bắc Đèo Phú Thứ; lý trình Km72+521,89.

+ Nút giao với đường ĐT.639 cũ tại phía Nam Đèo Lộ Diêu; lý trình Km75+397,54.

+ Nút giao với đường ĐT.639 cũ tại lý trình Km82+007,41.

- Đường giao dân sinh: Các vị trí giao với đường dân sinh được thiết kế vuốt nổi êm thuận đảm bảo an toàn giao thông, quy mô phù hợp đường hiện trạng.

*e. Hệ thống thiết bị an toàn giao thông:* Được thiết kế đồng bộ tuân thủ theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

*g. Phân lắp đặt hệ thống chiếu sáng:*

- Hệ thống điện chiếu sáng được xây dựng mới phù hợp với quy mô đường ven biển (ĐT.639), đoạn Mỹ Thành – cầu Lại Giang.

+ Trạm biến áp chiếu sáng 50kVA -22/0,4kV: 04 trạm

+ Trạm biến áp chiếu sáng 75kVA -22/0,4kV: 03 trạm

+ Đường dây 22kV cấp nguồn cho trạm biến áp với chiều dài  $L_t = 780 + 1.171 + 26 + 21 + 28 + 254 + 28 = 2.308\text{m}$

+ Đường dây chiếu sáng dài 39.472m

+ Trụ thép chiếu sáng cần đơn 10m: 28 trụ

+ Trụ thép chiếu sáng cần đôi 10m: 330 trụ

+ Trụ thép chiếu sáng cần ba 10m: 11 trụ

+ Cột BTLT 8,4m: 255 trụ

+ Cột BTLT 10,5m: 682 cột

+ Bộ đèn led 180W: 950 bộ

+ Bộ đèn led 210W: 717 bộ

+ Tủ điều khiển chiếu sáng: 07 tủ

## **8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:**

a. Địa điểm xây dựng:

- Dự án thành phần 1: Huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Dự án thành phần 2: Huyện Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

b. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích sử dụng đất 208,61 ha; trong đó diện tích xây dựng công trình chiếm đất vĩnh viễn là 174,89 ha và diện tích chiếm đất tạm thời trong thời gian thi công là 33,72 ha.

**9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Công trình giao thông đường bộ; dự án nhóm A; công trình cấp II.

**10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

- Danh mục Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Thực hiện theo Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

**11. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành Nhà nước.

**12. Tổng mức đầu tư: 2.659.960.000.000 đồng** (Hai nghìn sáu trăm năm mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), tương đương 115,15 triệu USD, tỷ giá 1USD=23.100 VNĐ (lấy theo tỷ giá của Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó:

- Vốn vay WB: 1.579.961.547.000 đồng, tương đương 68,4 triệu USD;

- Vốn đối ứng: 1.079.998.453.000 đồng, tương đương 46,75 triệu USD.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Tổng kinh phí	Phân theo nguồn vốn	
			Vốn vay WB	Vốn đối ứng
1	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	700.883.399		700.883.399
2	Chi phí xây dựng	1.725.416.058	1.568.560.053	156.856.005
3	Chi phí thiết bị	1.487.089	1.351.899	135.190
4	Chi phí quản lý dự án	15.730.518	-	15.730.518
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	79.925.786	-	79.925.786
6	Chi phí khác	39.843.194	10.049.595	29.793.600
7	Chi phí dự phòng	96.673.956		96.673.956
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.659.960.000</b>	<b>1.579.961.547</b>	<b>1.079.998.453</b>

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng.

**14. Cơ chế tài chính**

- Vốn vay WB: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi của nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP, theo đó: ngân sách Trung ương cấp phát 50%, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định vay lại 50% vốn vay WB.

- Vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tự bố trí 100% từ ngân sách địa phương theo quy định.

**15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**16. Thời gian thực hiện dự án:** 06 năm (từ năm 2022-2027).

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Nhà tài trợ Ngân hàng Thế giới (WB).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND các huyện Phù Mỹ, Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**